

**ĐẢNG BỘ TỈNH YÊN BÁI  
HUYỆN ỦY YÊN BÌNH**

\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Yên Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2025

Số 2008-CV/HU

V/v triển khai xây dựng khung  
Kế hoạch hành động triển khai thực hiện  
Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Kính gửi:* - Thường trực Hội đồng nhân dân huyện,  
- Ủy ban nhân dân huyện,  
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Huyện ủy,  
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội,  
- Các cơ quan đơn vị thuộc huyện.

Thực hiện Công văn số 2565-CV/BCĐ ngày 31/3/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Yên Bái về việc triển khai xây dựng khung Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tại địa phương, Thường trực Huyện ủy yêu cầu:

**1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo**

Căn cứ khung kế hoạch hành động mẫu ban hành kèm Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (đã điều chỉnh bổ sung), Công văn số 1999-CV/HU ngày 26/3/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai Thông báo Kết luận số 03-TB/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương, Chỉ thị số 07/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề nghị nghiên cứu tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị trình Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) chậm nhất 10 ngày sau khi Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Thực hiện chế độ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Huyện ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

## **2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan đơn vị**

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các văn bản có liên quan đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ngay sau khi Ban Thường Huyện ủy ban hành kế hoạch thực hiện yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện địa phương, đơn vị.

Định kỳ báo cáo kết quả, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, cơ quan, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt, đề xuất giải pháp mới theo hướng dẫn của cấp trên; tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

*(Gửi kèm Công văn này khung kế hoạch hành động mẫu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).*

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, các cơ quan liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

### Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Huyện ủy,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Nguyễn Lê Dũng**



**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG  
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,  
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

**Số 01-CV/BCĐTW**

*V/v xây dựng Kế hoạch hành động triển khai  
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW  
của Bộ Chính trị tại địa phương*

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY YÊN BÁI

VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG

Số 2515 ngày 28/3/2025

Chuyên: K. Ngọc

Lưu hồ sơ số:

*Kính gửi: Các tỉnh uỷ, thành uỷ,*

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia, Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 và Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số (sau đây gọi tắt là *Ban Chỉ đạo Trung ương*), để việc triển khai thực hiện Nghị quyết được hiệu quả, tránh hình thức, Ban Chỉ đạo Trung ương đề nghị các tỉnh uỷ, thành uỷ khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (xem hướng dẫn trong Phụ lục kèm theo), trong đó cần bảo đảm một số yêu cầu chính như sau:

1. Thành lập/kiện toàn "Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số tỉnh/thành phố...", do đồng chí Bí thư tỉnh uỷ/thành uỷ làm Trưởng Ban<sup>1</sup>, Văn phòng tỉnh uỷ/thành uỷ là Cơ quan Thường trực, phù hợp với mô hình của Ban Chỉ đạo Trung ương. Nâng cấp Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin thành Phòng Chuyên đổi số - Cơ yếu, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự về khoa học, công nghệ và chuyên đổi số đáp ứng yêu cầu trình độ, năng lực đối với đơn vị chuyên trách tham mưu<sup>2</sup> của Cơ quan Thường trực, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp uỷ các cấp.

2. Ban hành Kế hoạch hành động của địa phương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số bám sát đầy đủ các nội dung tại

<sup>1</sup> Mỗi tỉnh/thành phố tổ chức 1 Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để chỉ đạo chung về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong toàn tỉnh/thành phố.

<sup>2</sup> Phù hợp với mô hình tại Trung ương: Cục Chuyên đổi số - Cơ yếu là đơn vị chuyên trách tham mưu của Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư<sup>3</sup>, Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ<sup>4</sup>, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm tính chiến lược, tổng thể, toàn diện, thống nhất, đồng bộ trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương. Kế hoạch hành động cần mang tính thực tiễn, đặc thù của địa phương, tránh hiện tượng sao chép Nghị quyết, dẫn đến Kế hoạch mang tính chung chung, thiếu tính khả thi.

Trên đây là một số nội dung yêu cầu đối với việc xây dựng Kế hoạch hành động của các tỉnh, thành phố để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Ban Chỉ đạo Trung ương đề nghị các tỉnh uỷ, thành uỷ khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tỉnh uỷ, thành uỷ phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương (qua Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu) để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết.

Đầu mối liên hệ: Đồng chí Phạm Thế Bình, Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Trung ương Đảng, Thư ký Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương, điện thoại 080.45420; 0913.265.048.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Tổng Bí thư,  
Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương  
(để báo cáo),
- Các đồng chí Thành viên  
Ban Chỉ đạo Trung ương,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**Lê Hoài Trung**

**BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG  
CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

<sup>3</sup> Về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

<sup>4</sup> Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA TỈNH ỦY/THÀNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW**  
**NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,**  
**CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**  
*(Kèm theo Công văn số 01-CV/BCĐTW, ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương*  
*về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)*

**I- MỤC ĐÍCH**

1. *Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW:* Bảo đảm toàn đảng bộ và hệ thống chính trị ở địa phương nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, hùng cường của tỉnh/thành phố và quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội<sup>1</sup> thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh/thành phố. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

2. *Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao:* Giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân có nhận thức đúng đắn, tạo sự đồng thuận trong triển khai; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. *Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương:* Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên lợi thế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...); thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

3. *Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo:* Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung,... phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

<sup>1</sup> Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. *Góp phần vào phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước*: Thực hiện tốt Kế hoạch hành động đề địa phương có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

## II- YÊU CẦU

1. *Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW*: Toàn bộ nội dung Kế hoạch hành động (từ mục tiêu đến giải pháp) phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Khung kế hoạch này gồm các nội dung cơ bản, Kế hoạch hành động của tỉnh/thành phố bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung trong khung kế hoạch này.

2. *Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm*: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Kế hoạch hành động cần kế thừa có chọn lọc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...).

3. *Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải*: Xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu, phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của địa phương trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

4. *Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể*: Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đối với các tỉnh, thành phố có điều kiện phát triển, cần đặt mục tiêu phát triển công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và thế giới.

5. *Bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể*: Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

6. *Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược theo từng giai đoạn 5 năm:* Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của địa phương.

7. *Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị:* Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở/ban/ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

8. *Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời:* Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; coi trọng vai trò giám sát của ban thường vụ tỉnh/thành ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo và dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 01 tháng/lần<sup>2</sup>; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

9. *Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình:* Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

10. *Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài:* Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất

<sup>2</sup> Theo hình thức trực tuyến trên hệ thống thông tin theo dõi, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW do Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương chủ trì xây dựng, quản lý.

lượng dịch vụ công,...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2040, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cần gắn Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với Chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bút phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng địa phương, từng vùng, miền.

*11. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội:* Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

*12. Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi:* Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

*13. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo:* Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

### **III- MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung<sup>3</sup>**

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của địa phương.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà

<sup>3</sup> Các mục tiêu cụ thể bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung được mô tả trong hướng dẫn này. Từng địa phương cần căn cứ vào điều kiện thực tiễn (vị trí địa lý, tiềm lực khoa học, công nghệ, hạ tầng hiện tại, nguồn nhân lực...) để điều chỉnh nội dung và kỳ vọng cho phù hợp.

nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

## **2. Mục tiêu cụ thể<sup>4</sup>**

### **2.1. Đến hết năm 2025**

#### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn  $\geq 60\%$ .

- Có  $\geq 60\%$  người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

- Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.

#### *b) Phát triển nguồn lực*

- Có  $\geq 1,0\%$  tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP.

- Có  $\geq 80\%$  cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

<sup>4</sup> Các địa phương có thể chỉnh sửa danh mục, số liệu phù hợp với hiện trạng, tiềm năng, đặc điểm của địa phương.

*c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 30$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Có  $\geq 4$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 20$  công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Có  $\geq 300$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 25$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có  $\geq 40\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 15$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có  $\geq 10\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 50$  bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có  $\geq 1$  công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 30$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có  $\geq 50$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có  $\geq 3$  vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 15\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 20$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có  $\geq 10$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 5$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 100$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 10\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 30$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh  $\geq 0.60$ .
- Có  $\geq 70\%$  thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có  $\geq 70\%$  giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có  $\geq 70\%$  hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có  $\geq 80\%$  dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có  $\geq 70\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có  $\geq 40\%$  hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có  $\geq 50\%$  cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- Có  $\geq 60\%$  dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.
- Có  $\geq 30\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có  $\geq 50\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Có  $\geq 60\%$  đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số đạt 15% GRDP.

**2.2. Đến hết năm 2030**

*a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

*b) Phát triển nguồn lực*

- Có  $\geq 1,5\%$  tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

*c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 600$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có  $\geq 70$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Có  $\geq 6$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 40$  công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 50$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có  $\geq 60\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 40$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có  $\geq 25\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 150$  bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có  $\geq 3$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 70$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có  $\geq 150$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có  $\geq 7$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 30\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 60$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có  $\geq 30$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 20$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có  $\geq 300$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 25\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có  $\geq 70$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh  $\geq 0,75$ .
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có  $\geq 85\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có  $\geq 70\%$  hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có  $\geq 80\%$  cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông tới Trung ương.
- Có  $\geq 85\%$  dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có  $\geq 60\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có  $\geq 80\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số  $\geq 10\%$ .
- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.
- Có  $\geq 90\%$  đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

**2.3. Đến hết năm 2035**

*a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

*b) Phát triển nguồn lực*

- Có  $\geq 2\%$  tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

*c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 1.200$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có  $\geq 150$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Có  $\geq 8$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có  $\geq 80$  công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 80$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có  $\geq 75\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 80$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có  $\geq 40\%$  tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có  $\geq 300$  bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có  $\geq 5$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 150$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có  $\geq 300$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có  $\geq 12$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 50\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 150$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có  $\geq 60$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 50$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 700$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 40\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 120$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh  $\geq 0,85$ .
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có  $\geq 95\%$  hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có  $\geq 90\%$  hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có  $\geq 85\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có  $\geq 95\%$  người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất

- Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP.

#### **2.4. Đến hết năm 2040**

##### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

##### *b) Phát triển nguồn lực*

- Có  $\geq 2,5\%$  tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

##### *c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 2.000$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có  $\geq 250$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có  $\geq 10$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có  $\geq 85\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có  $\geq 120$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có  $\geq 60\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có  $\geq 500$  bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có  $\geq 8$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Có 15 - 20 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh/thành phố, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Có 7 - 10 trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.

- Có  $\geq 250$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 500$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 50 đến 60 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có  $\geq 18$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có  $\geq 70\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có 15 - 20 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thành, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Mỗi năm có  $\geq 300$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có  $\geq 100$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có  $\geq 100$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có  $\geq 1200$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có  $\geq 60\%$  vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có  $\geq 180$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh  $\geq 0,92$ .

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có  $\geq 95\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.

- Các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Kinh tế số đạt 45% GRDP.

## **2.5. Đến hết năm 2045**

### *a) Phát triển hạ tầng*

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

### *b) Phát triển nguồn lực*

- Có  $\geq 3\%$  tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có  $\geq 90\%$  dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

- Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

### *c) Phát triển khoa học, công nghệ*

- Có  $\geq 3.000$  cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có  $\geq 400$  doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có  $\geq 12$  tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 160$  công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 160$  nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có  $\geq 95\%$  kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có  $\geq 180$  đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có  $\geq 80\%$  doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 800$  bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có  $\geq 10$  công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

*d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*

- Có  $\geq 800$  doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có 50 - 70 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có  $\geq 25$  vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 90\%$  doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có  $\geq 500$  sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm  $\geq 150$  dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 200$  sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có  $\geq 1800$  bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có  $\geq 80\%$  doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có  $\geq 250$  sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

*e) Phát triển chuyển đổi số*

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.
- Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.
- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.
- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.
- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.
- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.
- Kinh tế số đạt 50% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

## VI- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. *Kiện toàn/thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, đồng chí Bí thư tỉnh ủy/thành ủy là Trưởng Ban, Văn phòng tỉnh ủy/thành ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo<sup>5</sup>; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp (theo nội dung trong công văn).*

1.2. *Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, cấp cơ sở,...*

1.3. *Lồng ghép các nội dung trong nghị quyết và quyết định vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.*

1.4. *Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh<sup>6</sup>, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.*

1.5. *Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.*

### 2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. *Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân*

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của từng địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

<sup>5</sup> Theo mô hình Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương.

<sup>6</sup> Theo mô hình Hội đồng Tư vấn quốc gia ở Trung ương.

*2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá*

- Kế hoạch hành động cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045).
- Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ.
- Kế hoạch cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

*2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*

- Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

*2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng*

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh/thành, trang thông tin các sở/ban/ngành để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).
- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).
- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.
- Vận động Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.
- Khởi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

### 2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

## 3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh/thành phố giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch tỉnh/thành phố tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.5. Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện). Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại địa phương.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ (tương tự cơ chế áp dụng đối với Thủ đô Hà Nội quy định tại Luật Thủ đô 2024).

#### **4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số**

- Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh/thành phố.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

## **5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển**

### *5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh/thành phố*

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

### *5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo*

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cố vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

### *5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu*

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...).

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

## **6. Xây dựng chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

*6.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao*

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp,...

*6.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức*

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,...

*6.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường*

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

*6.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực*

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

*6.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành*

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

*6.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia*

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

## **7. Xây dựng chiến lược chuyên đổi số, kinh tế số cấp tỉnh/thành phố**

*7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh/thành phố và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng*

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

*7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số*

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Xây dựng hoặc nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh/thành phố; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh/thành phố, kết nối đến cấp xã tùy điều kiện.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,...

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

### *7.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể*

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Xây dựng cổng thông tin hoặc sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

## **8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số**

*8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.*

### *8.2. Tăng cường an ninh mạng*

- Thành lập hoặc nâng cấp Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.
- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.
- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.
- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.
- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

### 8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng:

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

## 9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

### 9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

### 9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.
- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương.
- Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài.
- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

## **10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền**

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tỉnh/thành phố**

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ tỉnh/thành ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các sở/ban/ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

## **2. Trách nhiệm của Thường trực tỉnh ủy/thành ủy**

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực tỉnh/thành ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo, ủy ban nhân dân, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề nổi cộm liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo các ban đảng (Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính...) phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

## **3. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc**

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh/thành; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

#### **4. Trách nhiệm của Văn phòng và các ban tham mưu tỉnh ủy/thành ủy**

- Văn phòng tỉnh ủy/thành ủy: Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyên đổi số - Cơ yếu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh/thành phố theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045 (xem phần nhiệm vụ, giải pháp), trình Ban Chỉ đạo ban hành, phối hợp với Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của các tỉnh ủy, thành ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt .

- Ban Tổ chức: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban Kiểm tra: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực tỉnh/thành ủy.

- Ban Nội chính: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

#### **5. Trách nhiệm của UBND tỉnh/thành phố**

- Cụ thể hóa nội dung Kế hoạch hành động: Căn cứ Kế hoạch hành động của tỉnh ủy/thành ủy, các chiến lược phát triển của Ban Chỉ đạo, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp,

nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Đề xuất/ban hành các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực tỉnh/thành uỷ về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

## **6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể**

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

## **7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết**

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban nhân dân, sở/ban/ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực tỉnh/thành uỷ, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm. Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với các ban đảng, uỷ ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn tỉnh/thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

### **8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

---